



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 09 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1572

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 01/09/2026 đến ngày 07/09/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

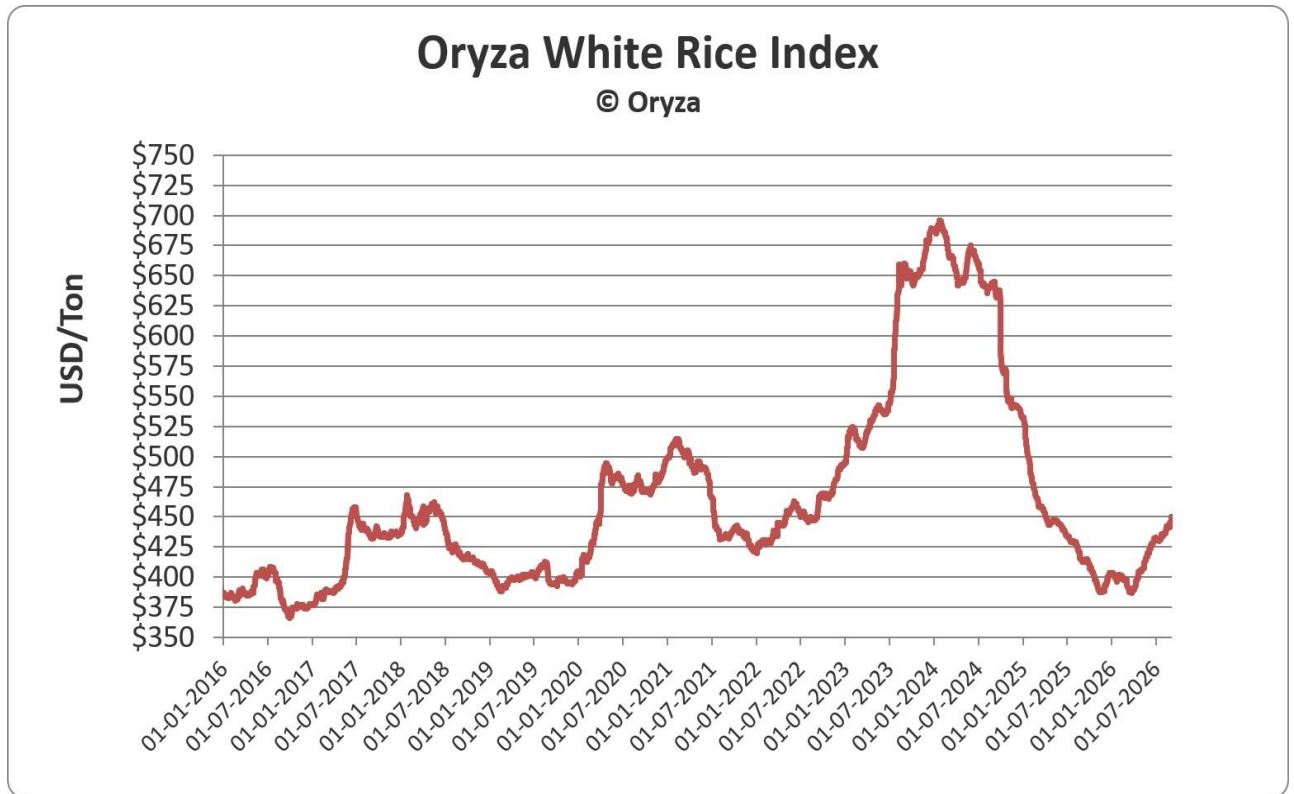
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

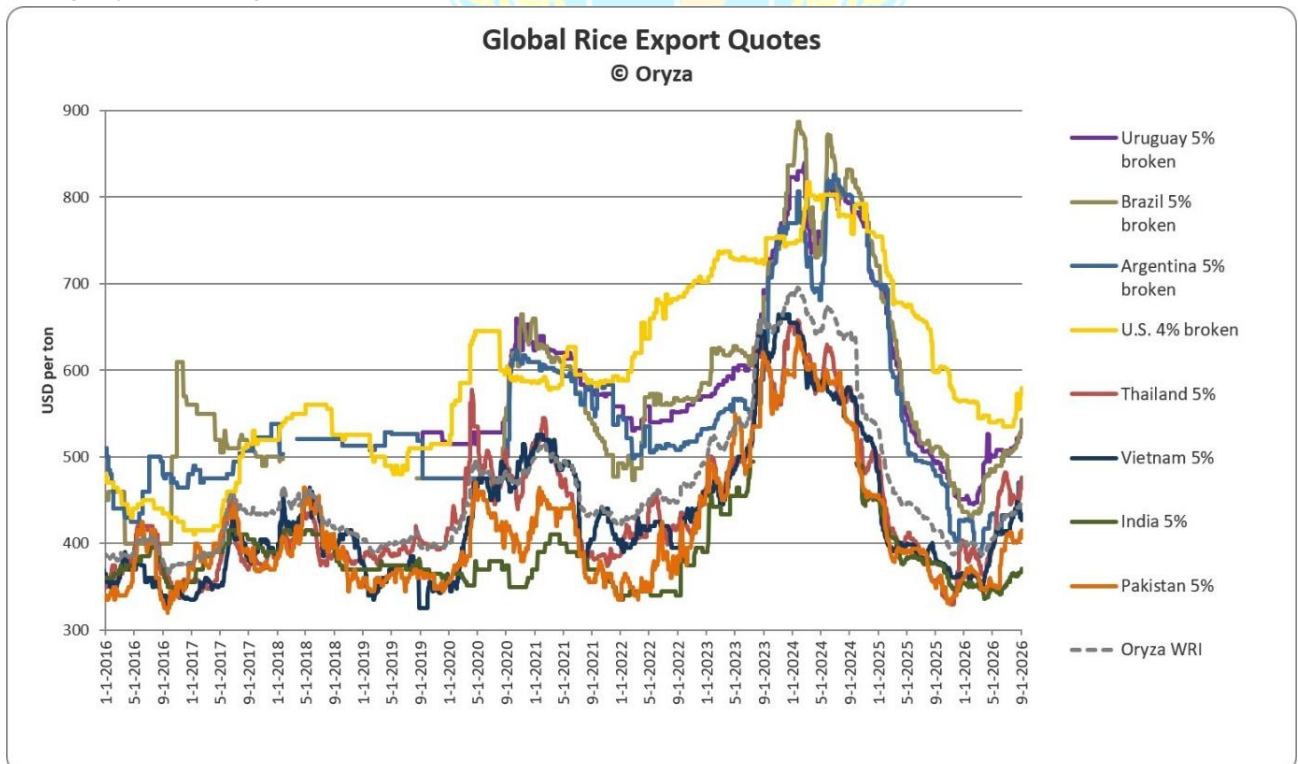
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	01 – 09		02 – 09		03 – 09		04 – 09	
		min	max	min	max	min	max	min	max
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	476	480	472	476	476	480	472	476
	5% tấm	466	470	462	466	466	470	462	466
	25% tấm	425	429	425	429	425	429	425	429
	Hom Mali 92%	1123	1127	1124	1128	1123	1127	1124	1128
	Gạo đỏ 100% Stxd	472	476	471	475	472	476	471	475
	A1 Super	363	367	365	369	363	367	365	369
VIỆT NAM	5% tấm	428	432	432	436	428	432	432	436
	25% tấm	410	414	413	417	410	414	413	417
	Gạo thơm 5% tấm	470	470	470	470	470	470	470	470
	Jasmine	535	539	531	535	535	539	531	535
	100% tấm	368	372	368	372	368	372	368	372
ẤN ĐỘ	5% tấm	365	369	365	369	365	369	365	369
	25% tấm	350	354	351	355	350	354	351	355
	Gạo đỏ 5% Stxd	373	377	372	376	373	377	372	376
	100% tấm Stxd	305	309	305	309	305	309	305	309
PAKISTAN	5% tấm	410	414	405	409	410	414	405	409
	25% tấm	386	390	380	384	386	390	380	384
	100% tấm Stxd	312	316	310	314	312	316	310	314
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	476	480	474	478	476	480	474	478
MỸ	4% tấm	569	573	577	581	569	573	577	581
	15% tấm (Sacked)	573	577	573	577	573	577	573	577
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	890	894	890	894	890	894	890	894

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

*Tổng quan thị trường:



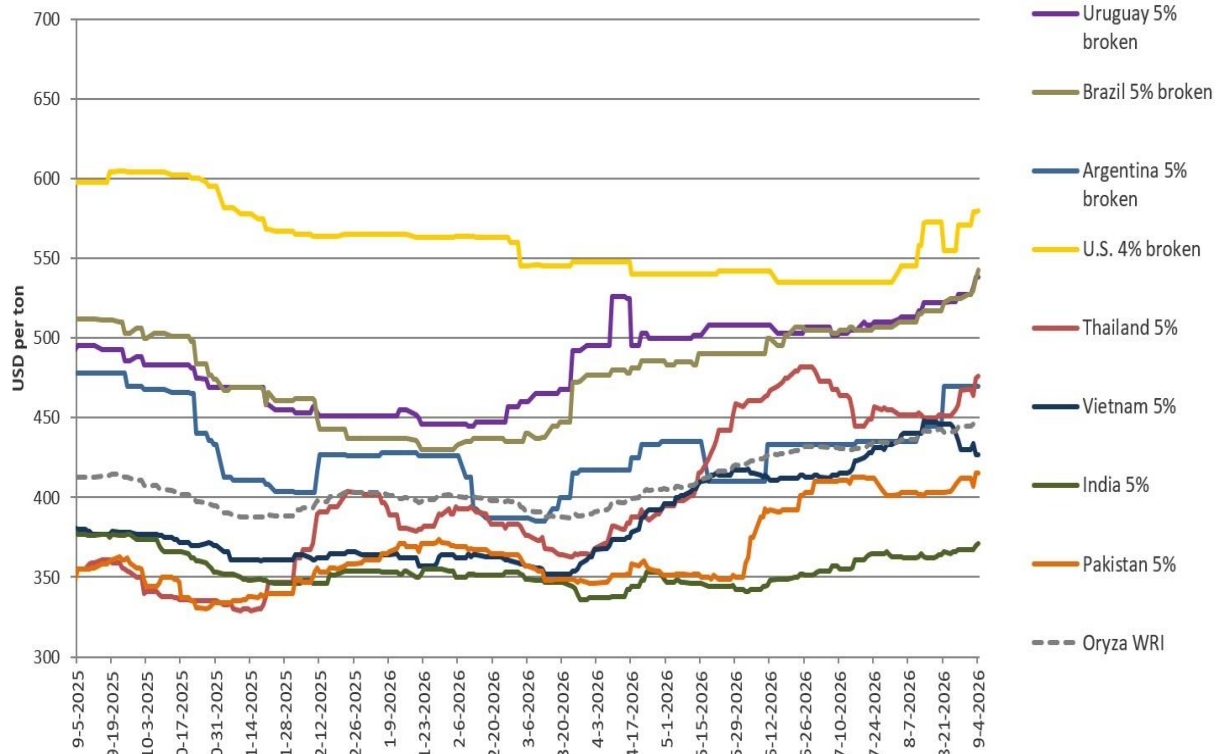
Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 450 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với tuần trước và tăng 13 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 37 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.



Global Rice Export Quotes

Last 12 months

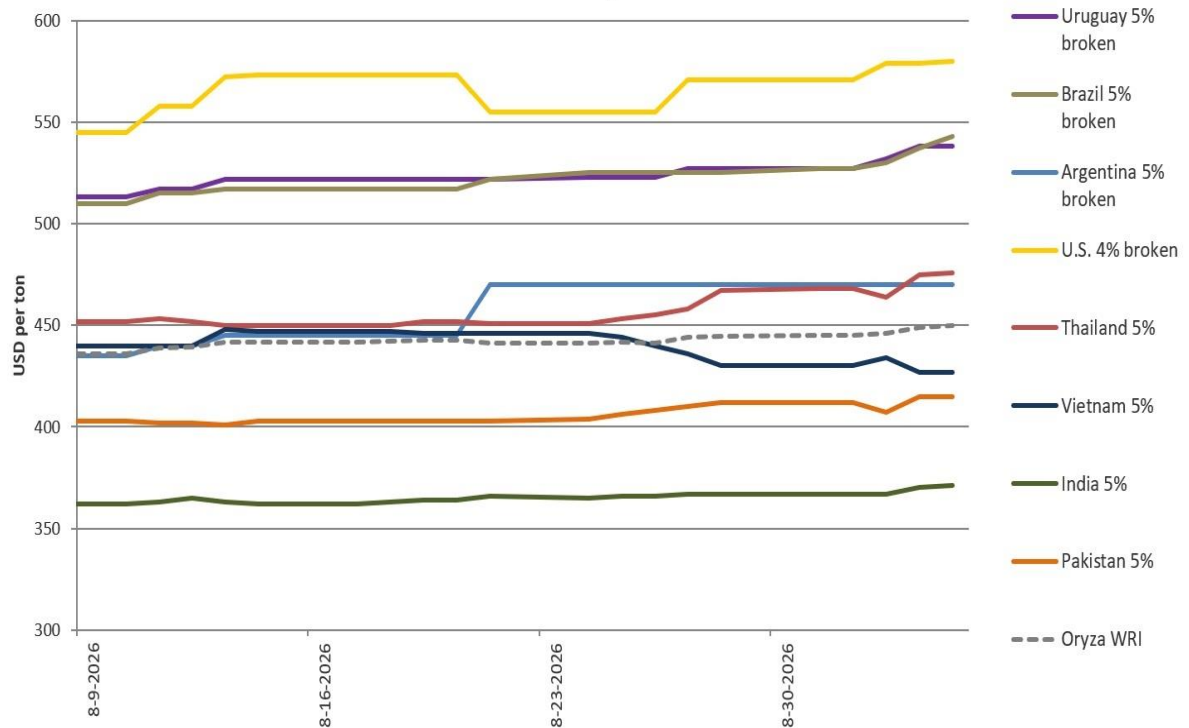
© Oryza

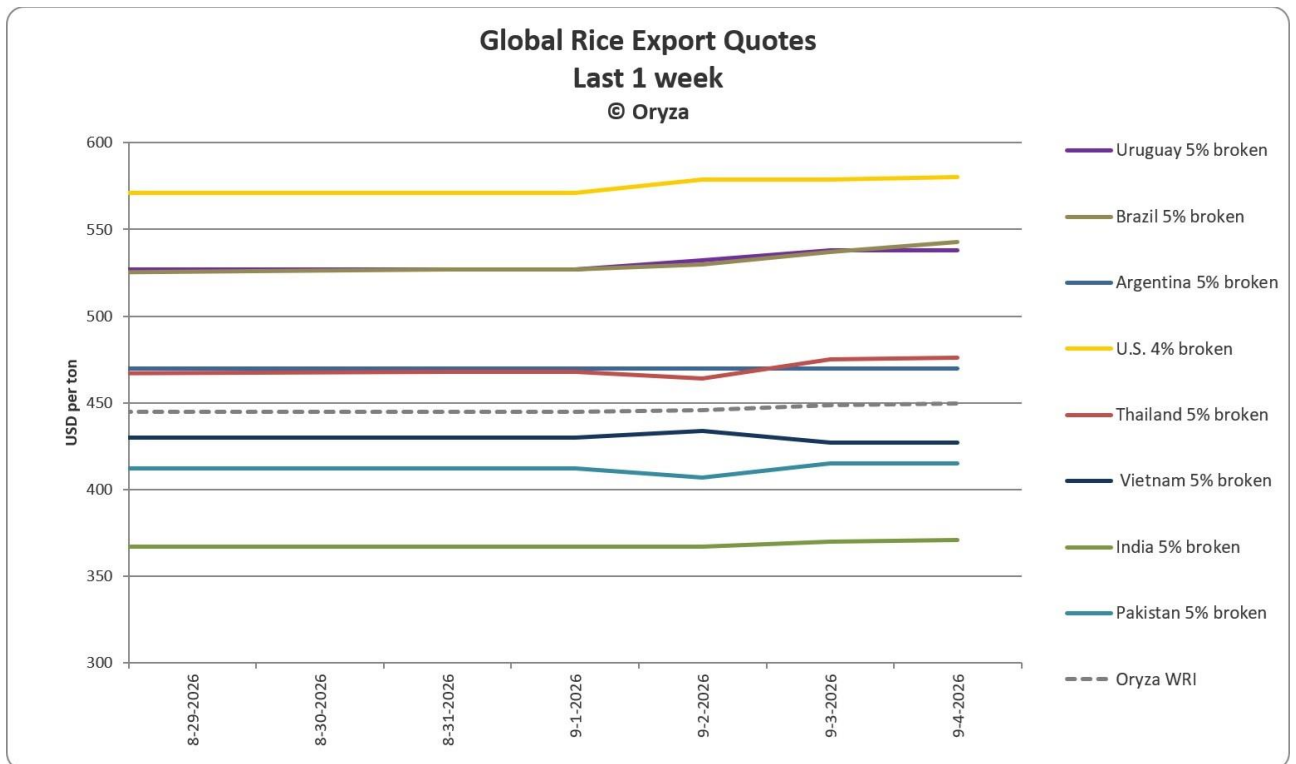


Global Rice Export Quotes

Last 4 weeks

© Oryza





Thị trường gạo thế giới: Giá gạo thế giới đang giao dịch gần mức cao nhất trong hai năm khi lượng mưa thấp hơn bình thường, điều kiện El Niño tiếp tục mạnh lên cùng với chi phí phân bón và nhiên liệu gia tăng đang làm dấy lên lo ngại về sản lượng tại các nước sản xuất lớn ở châu Á, khu vực chiếm phần lớn sản lượng và xuất khẩu gạo toàn cầu. Hợp đồng tương lai gạo thô của Mỹ đã tăng hơn 50% từ đầu năm, trong khi giá gạo Thái Lan tăng liên tiếp trong 6 tuần. Tại Ấn Độ, lượng mưa mùa mưa tính đến ngày 2/9 thấp hơn 13% so với mức bình thường, riêng tháng 8 thấp hơn 16%, làm gia tăng lo ngại về năng suất và nguồn cung trong thời gian tới; trong khi đó, Thái Lan và Indonesia đối mặt với nguy cơ khô hạn kéo dài trong các giai đoạn quan trọng của gieo trồng và phát triển cây lúa. Tại Đông Nam Á, El Niño kết hợp với IOD tích cực có thể làm sản lượng gạo khu vực giảm khoảng 2–8%, trong đó Philippines là nước đặc biệt dễ bị ảnh hưởng do phụ thuộc vào nhập khẩu, với sản lượng trong nước có thể giảm tới 700.000 tấn nếu thời tiết bất lợi. Giá xuất khẩu tại Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam đều có xu hướng tăng trong tuần qua; Ấn Độ ghi nhận giá xuất khẩu cao nhất trong một năm, Thái Lan được hỗ trợ bởi nhu cầu mua từ Malaysia và Philippines, trong khi giá gạo Việt Nam tăng nhẹ dù khối lượng xuất khẩu giảm đáng kể. Philippines được dự báo sẽ tăng nhập khẩu gạo vào cuối năm 2026 do lo ngại El Niño, trong khi nhập khẩu tăng tại Bangladesh đang góp phần hạ nhiệt giá bán buôn trong nước.

Theo FAO, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2026/27 dự kiến giảm 1,9% xuống 553,1 triệu tấn, chủ yếu do biên lợi nhuận của người sản xuất giảm và

thời tiết bất lợi liên quan đến El Niño. Tuy nhiên, thị trường toàn cầu vẫn được đánh giá tương đối dồi dào với tổng nguồn cung dự kiến đạt 774,3 triệu tấn, mức sử dụng 559 triệu tấn và tồn kho cuối kỳ 215,1 triệu tấn, tương đương tỷ lệ tồn kho/sử dụng 38%. Thương mại gạo thế giới niên vụ 2026/27 dự báo đạt 61,2 triệu tấn, trong khi thương mại năm 2026 khoảng 60,5 triệu tấn, thấp hơn mức kỷ lục năm 2025 do nhu cầu nhập khẩu yếu hơn tại một số khu vực châu Á và châu Phi. Chỉ số giá tất cả các loại gạo của FAO (FARPI) tăng 0,5% trong tháng 8/2026, được hỗ trợ bởi nhu cầu ổn định từ châu Á và châu Phi, biến động tỷ giá và kỳ vọng nguồn cung thắt chặt hơn. Ấn Độ tiếp tục là nhà cung cấp có tính cạnh tranh cao nhất nhờ nguồn cung dồi dào và giá thấp, trong khi giá Việt Nam và Pakistan tăng do nguồn cung thắt chặt hơn. Theo GEOGLAM, điều kiện mùa vụ lúa gạo toàn cầu nhìn chung vẫn thuận lợi, song rủi ro thời tiết đang gia tăng và phân hóa giữa các khu vực. Thái Lan và Campuchia đối mặt với khô hạn và nguy cơ giảm năng suất, Indonesia dễ bị ảnh hưởng bởi hạn hán do El Niño, trong khi Philippines chịu tác động của mưa lớn và bão nhiệt đới; điều kiện sản xuất tại Việt Nam, Lào, Miến Điện, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc nhìn chung vẫn thuận lợi. GEOGLAM đánh giá El Niño có khả năng cao trở nên rất mạnh trong giai đoạn tháng 9/2026–tháng 1/2027, đồng thời IOD tích cực có thể làm gia tăng tình trạng khô hạn tại Indonesia và khu vực Đông Nam Á hải đảo. Nhìn chung, dù nguồn cung và tồn kho gạo toàn cầu hiện vẫn ở mức tương đối cao, rủi ro thời tiết đang trở thành yếu tố ngày càng quan trọng đối với triển vọng thị trường; nếu tình trạng khô hạn kéo dài tại các nước sản xuất lớn, nguồn cung có thể thắt chặt và tạo thêm áp lực tăng giá gạo trong những tháng cuối năm 2026 và đầu năm 2027.

Indonesia

Sản lượng gạo của Indonesia trong giai đoạn tháng 1–10/2026 dự kiến nhìn chung không thay đổi so với năm trước, trong đó sản lượng từ tháng 1–9 dành cho tiêu dùng thực phẩm được dự báo đạt 28,71 triệu tấn. Mặc dù sản xuất khởi đầu khá thuận lợi, thời tiết vẫn là yếu tố rủi ro chính, đặc biệt là điều kiện khô hạn liên quan đến El Niño có thể làm giảm nguồn nước. Chính phủ đang ứng phó bằng việc đưa vào sử dụng hơn 80.000 máy bơm nước và các giống lúa chịu hạn. Bất chấp những rủi ro này, Indonesia hiện chưa có kế hoạch nhập khẩu gạo trong năm 2026, nhờ sản lượng trong nước và lượng dự trữ của Chính phủ ở mức đủ, đạt khoảng 5,17 triệu tấn tính đến ngày 21/8. Nhìn chung, trọng tâm tự chủ lương thực và lượng dự trữ lớn nhiều khả năng sẽ giữ nhập khẩu gạo của Indonesia ở mức hạn chế, trừ khi điều kiện thời tiết xấu đi đáng kể.

Indonesia đang quay trở lại thị trường gạo quốc tế với thỏa thuận ban đầu xuất khẩu 1.000 tấn gạo chất lượng cao sang Malaysia, với khả năng tăng lên 200.000 tấn/năm. Động thái này diễn ra trong bối cảnh sản lượng gạo Indonesia năm 2026 dự kiến đạt khoảng 38,6 triệu tấn, trong khi dự trữ quốc gia tăng lên khoảng 5,2 triệu tấn, tạo điều kiện để Chính phủ xuất khẩu mà không ảnh hưởng đến an ninh lương thực trong nước. Malaysia, quốc gia phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, là một thị trường tự nhiên của Indonesia, với lượng nhập khẩu gạo dự kiến khoảng 1,6 triệu tấn. Mặc dù lô hàng đầu tiên tương đối nhỏ, thỏa thuận này có thể đánh dấu sự chuyển dịch rộng hơn của Indonesia – từ quốc gia chủ yếu bảo vệ nguồn cung trong nước trở thành một nhân tố quan trọng hơn trong thương mại gạo Đông Nam Á.

Indonesia có kế hoạch mở rộng việc sử dụng các giống lúa năng suất cao trên phạm vi toàn quốc nhằm nâng cao năng suất và củng cố an ninh lương thực. Các giống do Trung tâm Hiện đại hóa Nông nghiệp Lúa gạo Indonesia phát triển có khả năng đạt năng suất 10–13 tấn/ha. Chính phủ cũng dự kiến trợ cấp giống lúa cải tiến cho ít nhất 1 triệu ha vào năm 2027, khuyến khích nông dân áp dụng các phương thức canh tác hiện đại. Trong hệ thống nông nghiệp tiên tiến, năng suất được báo cáo đã tăng lên 11–12 tấn/ha, so với mức 5–6 tấn/ha trước đây. Việc mở rộng sử dụng giống cải tiến và kỹ thuật hiện đại được kỳ vọng sẽ giúp tăng sản lượng gạo quốc gia, củng cố an ninh lương thực và nâng cao thu nhập của nông dân.

Philippines

Chính phủ Philippines đang đề xuất ngân sách 69,9 tỷ peso (1,15 tỷ USD) cho ba chương trình lớn về lúa gạo trong tổng ngân sách quốc gia 7.200 tỷ peso năm 2027, nhằm thúc đẩy sản xuất gạo trong nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của nông dân và bảo đảm gạo có giá phù hợp cho người tiêu dùng. Gói ngân sách bao gồm 29,9 tỷ peso cho Chương trình Lúa gạo Quốc gia 30 tỷ peso cho Quỹ Nâng cao Năng lực Cạnh tranh ngành Lúa gạo (RCEF), trong đó mức phân bổ hàng năm đã được tăng gấp ba lần đến năm 2031, và 10 tỷ peso cho Chương trình gạo cho tất cả nhằm mở rộng khả năng tiếp cận gạo giá phải chăng. Nguồn vốn sẽ được sử dụng cho giống, vật tư nông nghiệp, máy móc, thủy lợi, tín dụng, đào tạo, công nghệ và phân phối đến người tiêu dùng, hình thành chiến lược ba mũi nhọn tập trung vào tăng sản lượng, nâng cao thu nhập của nông dân và bảo đảm người tiêu dùng tiếp cận gạo với giá phù hợp. Chính phủ kỳ vọng các khoản đầu tư này sẽ củng cố an ninh lương

thực, nâng cao năng suất và giúp thị trường gạo Philippines có khả năng chống chịu tốt hơn trong quá trình thực hiện mục tiêu xóa đói vào năm 2030.

Philippines được dự báo sẽ nhập khẩu 5 triệu tấn gạo trong năm 2026, mức cao kỷ lục, nhằm bù đắp mức giảm khoảng 900.000 tấn sản lượng trong nước do El Niño gây ra và xây dựng lượng dự trữ đệm cho đầu năm 2027. Lượng gạo nhập khẩu đã đạt 3,46 triệu tấn tính đến ngày 13/8, vượt tổng lượng nhập khẩu của cả năm 2025, trong đó Việt Nam chiếm khoảng 74% nguồn cung. Mặc dù nhập khẩu dự kiến sẽ trở lại mức bình thường khoảng 3,8–4 triệu tấn vào năm 2027, sự gia tăng mạnh trong năm 2026 cho thấy mức độ dễ bị tổn thương của Philippines trước thiệt hại mùa vụ do thời tiết và sự phụ thuộc vào thị trường gạo khu vực. Để ứng phó, Chính phủ có kế hoạch tăng cường sản xuất trong nước thông qua cơ giới hóa, thủy lợi, giống tốt hơn, cơ sở hạ tầng sau thu hoạch và công nghệ, đồng thời yêu cầu các nhà nhập khẩu gạo đầu tư vào năng lực xay xát và chế biến trong nước.

Hàn Quốc

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) dự báo sản lượng lúa của Hàn Quốc năm 2026 đạt 4,76 triệu tấn, tăng 0,9% so với mức 4,715 triệu tấn năm 2025, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 5 năm là 4,921 triệu tấn. Diện tích trồng lúa dự kiến giảm nhẹ khi Chính phủ khuyến khích nông dân chuyển sang các loại cây trồng khác trong bối cảnh nhu cầu gạo trong nước suy yếu. Điều kiện sinh trưởng nhìn chung thuận lợi, không ghi nhận hạn hán cho đến giữa tháng 8, mặc dù lũ lụt trong tháng 7 và tháng 8 đã gây thiệt hại cục bộ cho cây trồng tại một số tỉnh. Trong khi đó, nhập khẩu gạo năm 2026 được dự báo đạt 500.000 tấn, còn tổng nhu cầu nhập khẩu ngũ cốc trong niên vụ 2026/27 dự kiến đạt 16,7 triệu tấn, trong đó ngô và lúa mì chiếm phần lớn lượng nhập khẩu.

Nhật Bản

Nhật Bản đang xem xét mua lại khoảng 210.000 tấn gạo dự trữ khẩn cấp trước đây đã được đưa ra thị trường nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt và giá cao. Khi nguồn cung gạo hiện đang được cải thiện, các quan chức lo ngại lượng gạo lớn vẫn còn trên thị trường có thể khiến giá giảm. Việc mua lại sẽ giúp rút bớt một phần nguồn cung khỏi thị trường, qua đó hỗ trợ giá gạo trong nước đồng thời bổ sung lại lượng dự trữ của Chính phủ, và có thể đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tồn kho tư nhân và sản lượng vụ mới đang làm tăng nguồn cung tổng thể.

Trong cuộc đấu thầu quốc tế ngày 28/8/2026, Nhật Bản đã mua 58.000 tấn gạo, thuộc đợt đấu thầu nhập khẩu thông thường lần thứ tư trong năm tài

chính 2026/27. Lượng mua bao gồm 51.000 tấn gạo hạt trung, đã xay xát, không phải gạo nếp từ Mỹ (39.000 tấn) và Trung Quốc (12.000 tấn), cùng 7.000 tấn gạo hạt dài từ Thái Lan. Giá nhập khẩu bình quân là 149.095 JPY (906 USD)/tấn chưa bao gồm thuế, tương đương 161.023 JPY (979 USD)/tấn đã bao gồm thuế.

Tồn kho gạo của khu vực tư nhân Nhật Bản được dự báo đạt mức kỷ lục 2,46–2,83 triệu tấn vào tháng 6/2027, do sản lượng gạo năm 2026 dự kiến tăng lên 7,35–7,54 triệu tấn, cao hơn đáng kể so với nhu cầu dự báo 6,93–7,11 triệu tấn. Ngay cả sau khi Chính phủ mua lại 210.000 tấn gạo dự trữ theo kế hoạch, tồn kho vẫn có thể tăng đáng kể so với mức 2,43 triệu tấn ghi nhận tháng 6/2026 và cao hơn nhiều so với mục tiêu của Chính phủ là 1,8–2,0 triệu tấn. Nếu không thực hiện mua lại, tồn kho có thể lên tới 3,04 triệu tấn. Trong bối cảnh nguồn cung dồi dào dự kiến tiếp tục kéo dài, triển vọng cho thấy giá gạo Nhật Bản sẽ tiếp tục chịu áp lực giảm trong năm 2027.

Các nhà sản xuất thực phẩm và đồ uống Nhật Bản dự kiến tăng giá đối với 4.923 sản phẩm trong tháng 9, cao hơn hơn ba lần so với cùng kỳ năm trước và là tổng số tăng giá theo tháng cao nhất kể từ tháng 4/2023, phản ánh áp lực chi phí dai dẳng đối với các hộ gia đình. Giá dầu thô và naphtha tăng đã đẩy chi phí bao bì tăng, trong khi chi phí lao động và logistics cao hơn cùng với đồng yên yếu đã làm tăng tổng chi phí sản xuất và nhập khẩu. Các loại gia vị như nước tương và giấm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong số các mặt hàng dự kiến tăng giá, tiếp theo là thực phẩm chế biến, bao gồm thực phẩm đông lạnh. Mặc dù một số cửa hàng tiện lợi gần đây đã giảm giá, khả năng giá thực phẩm giảm trên diện rộng vẫn thấp do chi phí vận hành tiếp tục tăng. Trong cả năm, số sản phẩm tăng giá dự kiến sẽ vượt mức 20.609 sản phẩm của năm 2025, trong khi hơn 3.000 sản phẩm khác đã được lên kế hoạch tăng giá trong tháng 10.

Tồn kho gạo ăn của khu vực tư nhân Nhật Bản dự kiến đạt mức kỷ lục 2,83 triệu tấn vào tháng 6/2027, cao hơn đáng kể so với kỷ lục trước đó là 2,43 triệu tấn, do sản lượng gạo năm 2026 cao hơn dự kiến bổ sung vào lượng tồn kho vốn đã lớn. Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã nâng dự báo sản lượng năm 2026 lên 7,35 – 7,54 triệu tấn, phản ánh kỳ vọng năng suất cao hơn mức trung bình tại 24 tỉnh. Sự kết hợp giữa sản lượng tăng và tồn kho hiện ở mức cao có thể khiến thị trường gạo Nhật Bản chuyển từ tình trạng thiếu nguồn cung gần đây sang dư thừa, gây thêm áp lực giảm giá gạo và có khả năng làm giảm lợi nhuận của nông dân. Để cân bằng cung

cầu, Chính phủ cũng có kế hoạch mua lại một phần gạo dự trữ trước đây đã đưa ra thị trường.

Nhật Bản có kế hoạch mua lại 210.000 tấn gạo trước đây đã được đưa ra từ kho dự trữ Chính phủ. Biện pháp này được xem là hợp lý đối với an ninh lương thực do lượng dự trữ đã giảm xuống khoảng 320.000 tấn, thấp hơn nhiều so với mục tiêu khoảng 1 triệu tấn (tương đương khoảng hai tháng tiêu dùng). Tuy nhiên, tờ Yomiuri Shimbun cho rằng Chính phủ cần tập trung vượt ra ngoài việc bổ sung dự trữ và củng cố nền tảng sản xuất gạo của Nhật Bản. Giá gạo đã giảm mạnh từ khoảng 4.400 JPY (khoảng 28,19 USD) xuống 3.000 JPY (khoảng 19,2 USD)/5 kg trong năm nay, do diện tích gieo trồng tăng sau tình trạng thiếu hụt trước đó đã dẫn đến dư cung. Mặc dù giá thấp hơn có lợi cho người tiêu dùng, giá quá thấp có thể làm giảm thu nhập của nông dân, khiến sản xuất kém hấp dẫn và đẩy nhanh việc nông dân rời khỏi ngành, đe dọa an ninh lương thực dài hạn của Nhật Bản. Bài xã luận cũng chỉ trích sự thiếu nhất quán trong các chính sách cung cầu và dự báo của Chính phủ. Bài viết kêu gọi sản xuất gạo quy mô lớn và hiệu quả hơn, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và mở rộng xuất khẩu gạo, đồng thời duy trì sự cân bằng giữa giá cả phải chăng cho người tiêu dùng và mức thu nhập bền vững cho nông dân.

Theo thông cáo báo chí của MAFF, Nhật Bản đang tìm cách nhập khẩu khoảng 25.000 tấn gạo thông qua một cuộc đấu thầu Mua và Bán đồng thời (SBS) vào ngày 25/9/2026. Cuộc đấu thầu sẽ diễn ra từ 11:00 đến 12:00 giờ Nhật Bản. Đây là đợt đấu thầu nhập khẩu SBS đầu tiên của Nhật Bản trong năm tài chính 2026/27 (tháng 4/2026–tháng 3/2027).

Trung Quốc

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc đã xác định được một cơ chế di truyền gây ra tình trạng bất dục lai giữa lúa trồng châu Á và châu Phi, qua đó có thể mở ra hướng mới để phát triển các giống lúa năng suất cao hơn. Nghiên cứu cho thấy một vùng di truyền có tên RHS3, bao gồm ba gen MAO, DUN và JIA, tạo ra một hệ thống độc tố – giải độc làm gián đoạn quá trình phát triển hạt phấn khi lai hai loài lúa. Bằng cách tìm hiểu cách các gen này tương tác và cách quá trình tự thực bào chọn lọc loại bỏ thành phần độc tố, các nhà nghiên cứu đã xác định được vật liệu di truyền có thể giúp vượt qua rào cản sinh sản và tạo ra các giống lai Á – Phi hữu thụ. Những giống lai này có thể kết hợp năng suất cao và chất lượng ăn ngon của lúa châu Á với các đặc tính chống chịu hữu ích của lúa châu Phi, đồng thời có khả năng cho năng suất cao hơn 10% so với các giống lúa lai châu Á hiện có. Phát hiện này do đó có thể mở

rộng nguồn vật liệu di truyền dành cho các nhà chọn giống lúa và hỗ trợ phát triển các giống lúa năng suất siêu cao, thích ứng tốt hơn.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 538 USD/tấn, tăng khoảng 11 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 25 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 45 USD/tấn so với một năm trước.

Argentina, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 470 USD/tấn, không thay đổi so với một tuần trước, tăng khoảng 35 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 8 USD/tấn so với một năm trước..

Brazil, gạo 5% tấm hiện được chào giá khoảng 543 USD/tấn, tăng khoảng 18 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 33 USD/tấn so với một tháng trước và tăng khoảng 31 USD/tấn so với một năm trước..

Theo FAO, sản lượng lúa của **Ecuador** năm 2026 được dự báo đạt 1,215 triệu tấn, giảm 14,8% so với mức 1,427 triệu tấn năm 2025 và thấp hơn mức trung bình 5 năm là 1,352 triệu tấn. Động lực gieo trồng suy giảm do giá gạo thấp hơn, kết hợp với thời tiết khô hạn trong tháng 3–4, đã làm xấu đi triển vọng mùa vụ. Giá gạo nhìn chung ổn định từ tháng 5 đến tháng 7/2026 nhưng thấp hơn tới 23% so với cùng kỳ năm trước, chịu áp lực từ vụ thu hoạch lớn năm 2025 và giá gạo quốc tế giảm. Trong thời gian tới, lượng mưa được dự báo cao hơn mức trung bình trong giai đoạn tháng 9–12 do điều kiện El Niño, làm gia tăng nguy cơ lũ lụt và lưu lượng nước sông lớn có thể gây thiệt hại cho cây lúa tại các khu vực sản xuất lớn ven biển.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm của Mỹ hiện được chào giá khoảng 580 USD/tấn, tăng khoảng 9 USD/tấn so với một tuần trước, tăng khoảng 35 USD/tấn so với một tháng trước và giảm khoảng 18 USD/tấn so với một năm trước.

Gạo thơm Jasmine đang ngày càng phổ biến tại Mỹ, tạo ra cơ hội lớn cho nông dân trong nước cạnh tranh với vị thế thống trị của Thái Lan trên thị trường. Mỹ nhập khẩu khoảng 1,5 triệu tấn gạo mỗi năm, trong đó khoảng 800.000 tấn là gạo Jasmine của Thái Lan. Tuy nhiên, diện tích trồng Jasmine đã đạt mức kỷ lục 50.000 acre trong năm 2026 khi nhu cầu của người tiêu dùng tiếp tục tăng. Mức độ phổ biến cao trong nhóm người tiêu dùng trẻ, việc sử dụng ngày càng tăng tại các nhà hàng và mức độ tiếp nhận ngày càng lớn tại hệ thống bán lẻ đang thúc đẩy xu hướng chuyển sang gạo Jasmine trồng trong nước, với các doanh nghiệp như Walmart đã bắt đầu chuyển sang nguồn cung nội địa. Ngành cũng đang đầu tư vào marketing, cơ hội xuất khẩu, bảo hiểm cây trồng, tiêu chuẩn chất lượng và nghiên cứu năng suất nhằm khuyến khích nông

dân và cải thiện tính ổn định của sản phẩm. Nhìn chung, ngành gạo Mỹ đặt mục tiêu xây dựng một thị trường gạo Jasmine nội địa có thương hiệu và giành được thị phần lớn hơn trong nhu cầu hiện đang được đáp ứng bằng nguồn nhập khẩu.

Châu Phi

Niger, FAO dự báo lượng mưa từ tháng 8 đến tháng 10 tại phần lớn các khu vực sản xuất của Niger sẽ ở mức gần hoặc cao hơn trung bình, qua đó hỗ trợ quá trình phát triển cây trồng nhưng cũng có thể làm gia tăng nguy cơ lũ lụt cục bộ. Sản lượng ngũ cốc năm 2025 của Niger ước đạt khoảng 5,3 triệu tấn, gần mức trung bình 5 năm, mặc dù tình trạng khô hạn đầu vụ đã ảnh hưởng đến cây trồng tại một số khu vực thuộc Tillabéri, Tahoua và Zinder, trong khi tình trạng mất an ninh tiếp tục hạn chế khả năng tiếp cận đồng ruộng của nông dân tại Tillabéri và Diffa.

Giá ngũ cốc trong tháng 7 vẫn thấp hơn cùng kỳ năm trước, trong đó giá kê giảm 5–25% và cao lương giảm 10–30%, nhờ nguồn cung trong nước được cải thiện, các biện pháp hạn chế xuất khẩu và chương trình bán hàng được Chính phủ trợ giá. Mặc dù điều kiện nguồn cung và giá cả tích cực, an ninh lương thực vẫn là vấn đề đáng lo ngại. Khoảng 2,42 triệu người, tương đương 9% dân số được phân tích, dự kiến phải đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực cấp tính nghiêm trọng trong mùa giáp hạt tháng 6–8/2026, trong đó hơn 18.600 người ở mức độ Khẩn cấp (Emergency), cao hơn nhẹ so với mức 2,22 triệu người ước tính năm 2025.

Châu Âu

Liên minh châu Âu đang xem xét cho phép nông dân sử dụng drone để phun thuốc bảo vệ thực vật, đánh dấu sự thay đổi so với các quy định hạn chế việc phun thuốc từ trên không đã được duy trì lâu nay. Những người ủng hộ cho rằng drone có thể giúp phun thuốc chính xác hơn, giảm lượng nước sử dụng và hỗ trợ nông dân làm việc tại những địa hình khó tiếp cận. Trong khi đó, các chuyên gia môi trường cảnh báo về nguy cơ thuốc bảo vệ thực vật phát tán sang khu vực khác, gây tổn hại cho hệ sinh thái lân cận và làm gia tăng việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Các quy định đề xuất dự kiến sẽ đặt ra các điều kiện về loại drone, độ cao bay, thời tiết và phương thức phun. Những thay đổi này đã được các nước EU thống nhất vào tháng 5/2026 nhưng vẫn cần được đàm phán với Nghị viện châu Âu trước khi trở thành luật.

Tính đến ngày 30/8/2026, thương mại gạo của EU trong niên vụ 2025/26 vẫn thấp hơn nhẹ so với năm trước, với nhập khẩu gạo giảm khoảng 2% xuống 1,572 triệu tấn và xuất khẩu giảm khoảng 1% xuống 274.634 tấn. Nhập khẩu chủ yếu là gạo Indica, đạt 1,333 triệu tấn, trong đó Campuchia là nhà cung cấp

gạo xay xát/bán xay xát lớn nhất với 236.828 tấn, tiếp theo là Myanmar (183.799 tấn), Ấn Độ (166.404 tấn), Thái Lan (156.041 tấn) và Pakistan (102.795 tấn). Về xuất khẩu, gạo Japonica đạt 185.325 tấn, trong khi gạo Indica đạt 89.438 tấn. Vương quốc Anh là thị trường nhập khẩu gạo xay xát/bán xay xát lớn nhất của EU với 33.862 tấn, tiếp theo là Thụy Sĩ, Belarus, Na Uy và Serbia.

Trung Đông

Iraq, Sản lượng gạo được dự báo phục hồi mạnh trong năm 2026, đạt khoảng 360.000 tấn, cao hơn gấp đôi mức trung bình 5 năm và tăng mạnh so với chỉ 23.000 tấn năm 2025, nhờ lượng mưa được cải thiện và nguồn nước dồi dào hơn trong niên vụ 2025/26. Lượng mưa tốt hơn trong giai đoạn tháng 12/2025 đến tháng 4/2026 đã bổ sung độ ẩm đất và nguồn nước trong các hồ chứa, giúp nâng cao năng suất ngũ cốc, đặc biệt tại các tỉnh phía Bắc. Tuy nhiên, tình trạng thiếu nước vẫn tiếp tục hạn chế sản xuất nông nghiệp tại một số khu vực phía Nam và Đông Nam.

Sản lượng gạo trong nước tăng mạnh dự kiến sẽ làm giảm nhu cầu nhập khẩu gạo của Iraq xuống khoảng 2 triệu tấn trong niên vụ 2026/27, thấp hơn nhẹ so với mức trung bình 5 năm. Mặc dù giá gạo biến động trong những tháng đầu năm 2026, đến tháng 6 giá nhìn chung vẫn ổn định nhờ nguồn cung trong nước đầy đủ và các biện pháp của Chính phủ nhằm hạn chế biến động giá lương thực thiết yếu.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tằm 5% tằm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 371 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước, tăng 8 USD/tấn so với tháng trước, giảm 7 USD/tấn so với cùng kỳ.

Theo báo cáo mới nhất của USDA, sản lượng gạo xay xát của nước này trong niên vụ 2026/27 dự kiến giảm 4,5%, xuống 147 triệu tấn, do gió mùa Tây Nam yếu, không đồng đều và diện tích gieo trồng giảm. Tuy nhiên, nguồn cung vẫn được dự báo dồi dào nhờ lượng tồn kho Chính phủ ở mức cao. Xuất khẩu gạo niên vụ 2026/27 được dự báo đạt mức 25 triệu tấn, tồn kho cuối kỳ dự kiến giảm xuống 52,5 triệu tấn do Chính phủ tiếp tục đẩy gạo tồn kho ra thị trường.

Yếu tố thời tiết tiếp tục là vấn đề đáng lưu ý đối với sản xuất nông nghiệp nước này. Cục Khí tượng Ấn Độ (IMD) dự báo lượng mưa tháng 9/2026 thấp hơn mức trung bình, sau khi lượng mưa tháng 8 giảm 16% so với mức thông thường.

Hội nghị Gạo Quốc tế Bharat (BIRC) 2026 tiếp tục thu hút sự quan tâm quốc tế, với 3.317 người mua từ 138 quốc gia đăng ký tham dự tính đến cuối tháng 8/2026. Hội nghị dự kiến diễn ra tại New Delhi từ ngày 23–25/10, tập trung vào kết nối B2B và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thị trường gạo của Nhật Bản, nước này dự kiến mở rộng xuất khẩu gạo basmati sang Nhật Bản trong khuôn khổ rà soát Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Ấn Độ – Nhật Bản (CEPA). Đồng thời mở thêm cơ hội cho các sản phẩm thực phẩm và nông sản Ấn Độ nếu đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 476 USD/tấn, tăng 9 USD/tấn so với tuần trước, tăng 24 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 121 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Giá chào gạo xuất khẩu trong tuần qua tiếp tục xu hướng tăng, trong bối cảnh nguồn cung từ một số nước xuất khẩu lớn trong khu vực có mức giá cạnh tranh. Biến động tỷ giá đồng baht Thái tiếp tục là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo của Thái Lan.

Pakistan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 415 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước và so với tháng trước, tăng 66 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Campuchia

Nước này đang chịu ảnh hưởng của tình trạng khô hạn kéo dài do El Niño, với gần 60.000 ha lúa vụ mùa bị ảnh hưởng.

Theo số liệu sơ bộ từ Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF), nước này đã xuất khẩu khoảng 85 ngàn tấn gạo xay xát trong tháng 8/2026, tăng khoảng 9,84% so với tháng 7/2026 và tăng khoảng 62,24% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2026 ước đạt 792 ngàn tấn, tăng khoảng 67,56% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, ASEAN, EU và Trung Quốc là các thị trường nhập khẩu chính của nước này trong thời gian qua.

Miến Điện

Theo số liệu sơ bộ từ Liên đoàn Gạo Miến Điện (MRF), lượng gạo xuất khẩu trong tháng 8/2026 ước đạt 148.548 tấn, giảm 12,72% so với thời điểm tháng 7/2026 và giảm 23,03% so với cùng kỳ năm 2025. Lũy kế xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2026 ước đạt 1,47 triệu tấn, giảm 1,41 triệu tấn so với cùng kỳ năm ngoái. Philippines tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất, với khoảng 107 ngàn tấn, chiếm 71,7% tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước, mặc dù

nhu cầu nhập khẩu đã giảm so với mức trước đó. Xuất khẩu sang Trung Quốc khoảng 15 ngàn tấn, giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2025. Gạo trắng chất lượng cao chiếm khoảng 82% tổng lượng xuất khẩu.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	01 – 09	02 - 09	03 - 09	04 – 09	07 – 09
Trung Quốc (CNY/USD)	6,72	6,72	6,72	6,72	6,71
Châu Âu (EUR/USD)	0,86	0,86	0,86	0,86	0,86
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	17.720,70	17.711,12	17.705,35	17.611,27	17.640,96
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,03	4,04	4,04	4,04	4,04
Philippines Peso (PHP/USD)	62,38	62,43	62,51	62,48	62,69
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.368,32	1.372,36	1.359,06	1.356,86	1.346,67
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	159,74	160,04	158,79	155,41	156,30
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,18	94,90	94,50	94,55	94,46
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,58	2.099,87	2.099,33	2.099,56	2.099,74
Pakistan Rupees (PKR/USD)	277,30	277,39	277,29	277,19	277,56
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,18	33,25	33,18	32,91	32,91
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.085,87	26.104,09	26.108,12	26.079,01	26.070,04

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 07/09/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống với diện tích 1,24 triệu ha, đã thu hoạch được khoảng 852 ngàn ha với năng suất khoảng 61,92 tạ/ha, sản lượng ước đạt 5,263 triệu tấn lúa.

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 382 ngàn ha/639 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 60%, đã bắt đầu thu hoạch được khoảng 3 ngàn ha, với năng suất ước 64,1 tạ/ha, sản lượng 19 ngàn tấn lúa.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/08 đến 31/08/2026 đạt **538.856 tấn**, trị giá **279,633 triệu USD**. Lũy kế xuất khẩu đến ngày

31/08/2026 đạt **6,029 triệu tấn**, trị giá **2,9 tỷ USD** so với cùng kỳ về số lượng giảm 5,12% và về trị giá giảm 10,82% so với cùng kỳ năm 2025.

*** Thị trường xuất khẩu gạo tháng 8/2026:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Chiếm (%)
Ghana	133.816	79.538.841	24,83%
Philippines	110.739	54.607.165	20,55%
Ivory Coast	90.807	41.659.494	16,85%
Malaysia	58.824	24.801.637	10,92%
China	48.896	21.521.925	9,07%
Singapore	13.635	7.299.060	2,53%
Australia	5.071	3.678.342	0,94%
United Arab Emirates	4.800	2.995.962	0,89%
Hongkong	4.220	2.476.360	0,78%
Saudi Arabia	3.331	2.474.413	0,62%
United States of America	2.881	2.282.036	0,53%
Campuchia	1.483	791.292	0,28%
Mozambique	1.439	825.282	0,27%
Netherlands	1.224	862.401	0,23%
Russia	1.052	586.962	0,20%
Taiwan	943	491.890	0,18%
France	541	399.948	0,10%
Tanzania	540	380.700	0,10%
Poland	475	372.926	0,09%
South Africa	387	261.719	0,07%
Turkey	378	225.081	0,07%
Spain	297	229.139	0,06%
Indonesia	200	125.400	0,04%
Belgium	146	74.307	0,03%
Chile	48	36.336	0,01%
Angola	44	27.401	0,01%
Brunei	44	44.772	0,01%
Iraq	25	27.900	0,00%
Senegal	25	14.215	0,00%
Bangladesh	17	31.896	0,00%
Các nước khác	52.545	30.519.781	9,75%
TỔNG CỘNG	538.856	279.632.687	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/09 – 07/09/2026 có 4 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Thới xếp hàng với số lượng dự kiến 24.650 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Cetus Spade	HCM	16/08/2026	32.000	Châu phi
2	CL Xiangtan	HCM	24/08/2026	50.000	Châu phi
3	Sea Dragon 9999	HCM	26/08/2026	4.900	Malaysia
4	North Star	Mỹ Thới	28/08/2026	1.500	Malaysia
5	Vinh Quang Sun	HCM	28/08/2026	2.800	Malaysia
6	Hương Anh 59	HCM	31/08/2026	2.850	Malaysia
7	Hương Anh 69	HCM	02/09/2026	2.750	Malaysia
8	Lucky Star 6	HCM	02/09/2026	7.300	Philippines
9	Quang Minh 18	HCM	03/09/2026	4.100	Malaysia
10	Tây Sơn 2	HCM	03/09/2026	10.500	Philippines
11	Viễn Đông 09	HCM	11/09/2026	6.000	Philippines
Tổng				124.700	



IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	03/09	+/-	03/09	+/-	03/09	+/-	03/09	+/-	03/09	+/-	03/09	+/-	03/09	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.150	-	6.050	-100	6.200	-100	6.050	-100	6.175	-	6.200	-150	6.050	-300	6.200	6.125
Lúa thường	6.050	-	5.950	-100	6.050	-100	5.950	-100	5.950	-	6.050	-100	5.950	-100	6.050	5.993
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.550	-	7.500	-	7.550	-	7.500	-50	8.750	-			7.550	-300	8.750	7.733
Lúa thường	7.350	-	7.400	-	7.400	-100	7.400	-	8.200	-			7.150	-300	8.200	7.483
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.750	-	9.350	-500	9.250	-	9.225	-25	9.225	-			9.350	-400	9.750	9.358
Lứt loại 2	9.650	-	9.250	-250	9.050	-	9.050	-	8.950	-	9.650	-	9.150	-300	9.650	9.250
Xát trắng loại 1			10.500	-350			10.175	+75	10.525	-	10.550	-300	10.550	-200	10.550	10.460
Xát trắng loại 2			10.350	-300			10.050	-	9.950	-	10.350	-300	10.250	-200	10.350	10.190
<u>Phụ Phẩm</u>																
Tấm 1/2	8.150	-200	8.550	-	8.550	-	8.500	-50	8.525	-	8.550	-	8.550	+300	8.550	8.482
Tấm 2/3			8.350	-100	8.350	-75			8.425	-			8.350	+400	8.425	8.369
Tấm 3/4	8.050	-	8.250	-100	8.350	-100							8.150		8.350	8.200
Cám xát	7.350	-	7.450	-	7.525	-	7.550	-	7.525	-	7.550	-	7.050	-	7.550	7.429
Cám lau	7.350	-	7.350	-	7.525	-	7.575	+25	7.525	-	7.575	+25	7.150	-	7.575	7.436
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.400	-	10.650	-300	10.600	-	10.650	-300	10.450	-	10.650	-400	10.650	-400	10.650	10.579
10%			10.550	-300					10.700	-			10.750		10.750	10.667
15%	10.200	-	10.450	-300	10.400	-	10.450	-300	10.500	-	10.550	-200	10.550	-200	10.550	10.443
20%									10.200	-					10.200	10.200
25%	10.000	-	9.850	-300	10.200	-	10.250	-300	9.900	-	10.150	-400	10.150	-300	10.250	10.071
